

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ. 31
H: 0

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439101)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 21/....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Mr. Ponce

Phạm Thị Thu

NN Châu

Phạm Thị Thu

NN Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240161	Trần Thị Tuyết Anh	19/06/2003	CCQ2124F			8,0	4,7	6,0	
2	2122240134	Nguyễn Thị Ngọc Bích	06/12/1997	CCQ2224E			8,6	7,1	7,7	
3	2122240166	Trần Quang Bình	30/04/2003	CCQ2224E			8,4	6,4	7,2	
4	2122240004	Nguyễn Tấn Đạt	27/08/2000	CCQ2224A			9,4	7,9	8,5	
5	2121110047	Dương Nguyễn Anh Dũng	22/09/2003	CCQ2124F			9,2	9,3	9,3	
6	2122240042	Trần Thị Mỹ Duyên	20/01/2004	CCQ2224B			9,0	3,3	5,6	
7	2122240096	Phạm Thị Thu Hà	31/07/2004	CCQ2224D			9,0	5,3	6,8	
8	2122240182	Thân Ngọc Hân	08/01/2004	CCQ2224F			9,5	8,1	8,7	
9	2122240109	Lê Thùy Mỹ Hậu	15/09/2004	CCQ2224D			8,8	5,3	6,7	
10	2122240048	Trần Khánh Hưng	02/02/2004	CCQ2224B			8,0	6,2	6,9	
11	2122240164	Phạm Gia Kỳ Hương	27/06/2004	CCQ2224E			8,0	8,8	8,5	
12	2122240052	Lê Công Huy	26/06/1999	CCQ2224B			9,0	8,2	8,5	
13	2122240133	Lâm Trung Kiên	17/10/2004	CCQ2224E			8,0	7,4	7,6	
14	2122240183	Nguyễn Thị Ngọc Loan	29/05/2004	CCQ2224E			9,1	5,3	6,8	
15	2122240021	Đường Thúc Ly	11/12/2004	CCQ2224A			8,6	3,3	5,4	
16	2122240110	Hoàng Thị Mai	10/11/2001	CCQ2224D			9,1	7,2	8,0	
17	2122240116	Phạm Quang Minh	29/10/2003	CCQ2224D			8,4	3,7	5,6	
18	2122240140	Võ Thị Mỹ Ngọc	13/12/2004	CCQ2224E			8,0	5,2	6,3	
19	2122240190	Lê Hoàng Như	20/12/2004	CCQ2224F			9,3	8,6	8,9	
20	2123240010	Nguyễn Ngọc Phương Như	11/10/1998	CCQ2324A			9,2	8,6	8,8	
21	2122240024	Nguyễn Tú Như	20/01/2004	CCQ2224A			8,8	5,3	6,7	
22	2122240121	Trần Đặng Mai Phương	11/10/2002	CCQ2224E			9,0	8,1	8,5	
23	2122240179	Trần Lê Quỳnh	10/12/2004	CCQ2224F			9,1	7,0	7,8	
24	2122240103	Phan Vũ Thành	20/12/2004	CCQ2224D			9,0	7,4	8,0	
25	2122240138	Hồ Phương Thảo	01/11/2002	CCQ2224E			0,0			
26	2122240203	Đỗ Thị Thủy	10/11/2001	CCQ2224D			9,0	6,9	7,7	
27	2122240102	Nguyễn Thị Thủy	02/01/2004	CCQ2224D			9,3	8,1	8,6	
28	2122240132	Trần Thị Huyền Trang	15/04/2004	CCQ2224E			8,0	6,3	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Mr. Ponce

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439101)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 31...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Phường Thị Mỹ

N.N. Châu

Phường Thị Mỹ

N.N. Châu

Chữ ký SV

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122240107	Ông Thị Cẩm Trúc	05/01/2004	CCQ2224D	Đức		8,5	4,9	6,3	
30	2122240073	Lê Thị Ngọc Tuyền	11/05/2003	CCQ2224C	Đức		9,0	8,2	8,5	
31	2122240196	Hoàng Thị Yên	17/10/2004	CCQ2224F	Thị		8,7	7,8	8,2	
32	2122240065	H. Yên	25/11/2003	CCQ2224C	Yên		9,0	6,0	7,2	